

Phụ lục 1
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM NHIỆM VỤ CHUNG
ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN THUỘC UBND TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND
ngày tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Giang)

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm chuẩn
1.	Tổ chức, điều hành cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn	120
a)	Công tác tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh ban hành các chỉ thị, nghị quyết, quyết định, chương trình, kế hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý	30
	- Các văn bản tham mưu phải đảm bảo đầy đủ, chất lượng, hiệu quả, đúng thời hạn theo quy định được tính điểm tối đa; - Mỗi nội dung tham mưu chưa đảm bảo chất lượng hoặc chậm muộn trừ 5 điểm, trừ tối đa bằng điểm chuẩn.	
b)	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao trong chương trình, kế hoạch công tác năm của UBND tỉnh (không tính nhiệm vụ giao riêng cho người đứng đầu)	70
	- 100% nhiệm vụ được hoàn thành đảm bảo chất lượng, đúng thời hạn được tính điểm tối đa; - Mỗi nhiệm vụ hoàn thành không đảm bảo chất lượng hoặc không đúng thời hạn trừ 15 điểm; trừ tối đa bằng điểm chuẩn.	
c)	Công tác thông tin, báo cáo theo yêu cầu của UBND tỉnh	20
	- 100% các nội dung báo cáo đảm bảo chất lượng, đúng thời hạn được tính điểm tối đa; - Mỗi nội dung báo cáo chưa đảm bảo chất lượng, phải làm lại, bổ sung hoặc chậm muộn trừ 5 điểm, trừ tối đa bằng điểm chuẩn.	
2.	Công tác quản lý, sử dụng biên chế, công chức, viên chức	90
a)	Quản lý, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc	10
	- Hằng năm rà soát, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt đề án vị trí việc làm, biên chế và số lượng người làm việc đảm bảo theo quy định; Quyết định phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính, số lượng người làm việc trong các phòng, ban, đơn vị trực thuộc đảm bảo theo quy định của UBND tỉnh; - Mỗi nội dung thực hiện không đảm bảo quy định trừ 5 điểm, trừ tối đa bằng điểm chuẩn.	
b)	Quản lý, sử dụng công chức, viên chức:	25
	- Sắp xếp, bố trí công chức, viên chức theo đề án vị trí việc làm và đảm bảo số lượng công chức, viên chức không vượt chỉ tiêu biên chế được giao được tính điểm tối đa; - Sắp xếp, bố trí công chức, viên chức không đúng đề án vị trí việc làm trừ 5 điểm; thực hiện vượt mỗi chỉ tiêu biên chế trừ 5 điểm; trừ tối đa bằng điểm chuẩn.	

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm chuẩn
c)	Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý:	
	- <i>Hàng năm thực hiện quy hoạch, rà soát, bổ sung quy hoạch đảm bảo quy định; Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền đúng quy trình, tiêu chuẩn, điều kiện và thời gian theo quy định; Thực hiện đảm bảo số lượng cấp phó các phòng, ban, đơn vị thuộc quyền quản lý không vượt quy định thì được tính điểm tối đa;</i> - <i>Mỗi trường hợp thực hiện không đảm bảo đúng quy định trừ 5 điểm, trừ tối đa bằng điểm chuẩn.</i>	25
d)	Công tác luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác	10
-	Ban hành kế hoạch và thực hiện đạt 100% kế hoạch	10
-	Ban hành kế hoạch và thực hiện đạt từ 50% đến dưới 100% kế hoạch	5
-	Không ban hành kế hoạch hoặc ban hành kế hoạch thực hiện đạt dưới 50%	0
đ)	Việc chấp hành quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính và quy chế văn hóa công sở	20
-	100% công chức, viên chức thuộc quyền quản lý không vi phạm	20
-	Để xảy ra tình trạng công chức, viên chức, người làm việc thuộc quyền quản lý vi phạm quy định, quy chế bị cấp có thẩm quyền phê bình, nhắc nhở	10
3.	Công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công	40
a)	Việc ban hành Quy chế quản lý sử dụng tài sản công	10
-	Rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công đảm bảo theo quy định	10
-	Không rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời	0
b)	Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công	30
-	Quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, các tài sản, trang thiết bị đảm bảo đúng chế độ, chính sách và đúng quy định của pháp luật	30
-	Chưa thực hiện nghiêm quy định về quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, các tài sản bị cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra phê bình, nhắc nhở	10
4.	Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo	60
a)	Giải quyết xong 100% vụ việc trong năm đảm bảo đúng quy định	60
b)	Giải quyết xong từ 80% đến dưới 100% vụ việc đảm bảo quy định	50
c)	Giải quyết xong từ 50% đến dưới 80% vụ việc đảm bảo quy định	30
d)	Giải quyết xong dưới 50% vụ việc đảm bảo quy định	0
5.	Công tác cải cách hành chính	40
5.1	<i>Đối với các cơ quan có thủ tục hành chính giải quyết tại Trung tâm phục vụ hành chính công</i>	
a)	Tỷ lệ phần trăm thủ tục hành chính (TTHC) cung cấp trực tuyến mức độ 3,	10

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm chuẩn
	4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến trong năm so với tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4	
-	Đạt tỷ lệ phần trăm TTHC theo quy định của UBND tỉnh	10
-	Đạt từ 50% đến dưới 100% tỷ lệ theo quy định của UBND tỉnh	5
-	Đạt dưới 50% tỷ lệ theo quy định của UBND tỉnh	0
b)	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3,4 (<i>chỉ tính đối với các TTHC cung cấp dịch vụ công mức độ 3,4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến</i>)	10
-	Đạt tỷ lệ phần trăm TTHC theo quy định của UBND tỉnh	10
-	Đạt từ 50% đến dưới 100% tỷ lệ theo quy định của UBND tỉnh	5
-	Đạt dưới 50% tỷ lệ theo quy định của UBND tỉnh	0
c)	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	20
-	Đạt 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn	20
-	Đạt từ 80% đến dưới 100% số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	15
-	Đạt từ 50% đến dưới 80% số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	5
-	Đạt dưới 50% số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	0
5.2	<i>Các cơ quan không có thủ tục hành chính giải quyết tại Trung tâm phục vụ hành chính công</i>	
a)	<u>Văn phòng UBND tỉnh</u>	40
-	Quản lý, điều hành Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và giữ được hạng chỉ số Cổng thông tin điện tử so với năm trước	40
-	Chưa đáp ứng được yêu cầu hoặc không giữ được hạng chỉ số Cổng thông tin điện tử so với năm trước	10
b)	<u>Thanh tra tỉnh và Ban Dân tộc tỉnh</u>	40
-	100% TTHC được giải quyết đúng quy trình nội bộ theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	40
-	Đạt từ 80% đến dưới 100%	30
-	Đạt từ 50% đến dưới 80%	20
-	Đạt dưới 50%	0